

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /BC-UBND

Phước Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng, tỉ lệ che phủ rừng của xã Phước Hòa giai đoạn 2016-2021.

I. Khái quát đặc điểm tình hình

- Đất quy hoạch cho lâm nghiệp là: 11.019,14ha; (Đất có rừng là: 10415,36 ha; đất chưa có rừng là 603,78 ha); (năm 2021 đã đưa 58,50 ha chuyển đổi sang đất nông nghiệp theo QĐ 199/UBND/ ngày 28/6/2018 của UBND Tỉnh.)

- Các hiện trạng rừng chủ yếu là rừng gỗ trên núi đất; rừng lá rộng rụng lá vào mùa khô; về trữ lượng rừng : Rừng giàu: 1311,23ha; trung bình: 4367,35 ha; nghèo: 3044,56 ha; nghèo kiệt: 1387,14ha;

- Các khu vực rừng giáp ranh gồm: Giáp ranh với rừng xã Phước Tân, Phước Bình huyện Bác Ái; xã Lâm Sơn huyện Ninh Sơn, với Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng.

II. Công tác triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 của xã Phước Hòa

1. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện về công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 – 2021 (rà soát thống kê danh mục văn bản còn hiệu lực: Chỉ thị Ban Bí thư Trung ương Đảng, Luật, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các Thông tư của Bộ ngành liên quan).

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 theo thẩm quyền: Nghị quyết HĐND tỉnh; Quyết định, chỉ thị, kế hoạch của UBND, chủ tịch UBND tỉnh; kế hoạch, hướng dẫn của các sở, ngành liên quan (thống kê kèm danh mục văn bản ban hành).

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền các cấp, của cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa phương nơi có rừng trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ và phát triển rừng.

-Xác định công tác BVR là nhiệm vụ chính trị, được các ngành, các cấp quan tâm. Cấp ủy và chính quyền địa phương đã chỉ đạo cho KLĐB phối hợp với các lực lượng CA, QS xã, các tổ nhận khoán BVR cùng với Đơn vị chủ rừng, chủ động thực hiện phương án PCCCR & truy quyết CPR đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngay từ đầu mùa khô cấp ủy, chính quyền địa phương đã chỉ đạo cho các ban ngành xã phối hợp trong công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật sâu rộng trong quần chúng nhân dân về BVR và PCCCR trên địa bàn với nhiều hình thức như họp dân, phát trên loa truyền thanh xã...nhằm xã hội hóa công tác BVR và PCCCR trên địa bàn.

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan): hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế quy định trong các văn bản cụ thể hoá chỉ đạo, điều hành, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

4.1 Một số tồn tại :

- Đời sống kinh tế của nhân dân trong toàn xã còn thấp, vào mùa khô lượng lao động nhàn rỗi trong nhân dân còn nhiều, số diện tích rẫy nằm đan xen trong rừng tự nhiên ở khắp các Tiểu khu, do đó lượng người ra vào rừng ở các ngã đường, mọi lúc mọi nơi và rất nhiều. Đặc điểm này là một trong những nguyên nhân chính gây khó khăn cho công tác ngăn chặn tình trạng cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm rừng làm nương rẫy, khai thác rừng trái pháp luật trên địa bàn xã Phước Hòa.

- Lực lượng huy động chống phá rừng của xã chủ yếu là cán bộ bán chuyên trách và đối tượng không hưởng lương(DQTV) nên không thể huy động thường xuyên liên tục được. Về các Cộng đồng nhận khoán Bảo vệ rừng vì kinh phí thường chậm trễ nên không duy trì hoạt động thường xuyên , liên tục được

- Tình hình khai thác rừng, vận chuyển lâm sản, phá rừng trái pháp luật tuy đã giảm nhưng vẫn còn xảy ra trên địa bàn.

4.2. Nguyên nhân tồn tại:

Tồn tại một một số mặt nêu trên là do những nguyên nhân sau:

+) Nguyên nhân chủ quan:

- Lực lượng tuần tra, kiểm tra của địa phương chủ yếu là Dân quân tự vệ, Bảo vệ rừng của Cộng đồng không thuộc đối tượng hưởng lương nên khó điều động liên tục, do đó công tác tuần tra, kiểm tra rừng khó thực hiện được thường xuyên liên tục.

+) Nguyên nhân khách quan:

- Số lượng rẫy đan xen với rừng tự nhiên quá nhiều nên khó kiểm soát được mục đích của người ra vào rừng;

- Diện tích rừng rộng, lực lượng QL BVR của đơn vị chủ rừng mỏng nên không tổ chức tuần tra, kiểm tra 24/24 giờ được.

- Kinh phí cấp cho lực lượng nhận khoán BVR còn chậm nên hoạt động chưa được thường xuyên, liên tục.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn xã Phước Hòa.

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

a) Công tác quản lý rừng:

- Công tác xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2025 theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan.

- Công tác tích hợp quy hoạch 03 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016 -2025:

+ Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã;

+ Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy (kết quả quản lý diện tích đất nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng).

- Thống kê kết quả chuyển mục đích đất rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021 để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đánh giá sự tác động ảnh hưởng đến diện tích, chất lượng rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.

- Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng đảm bảo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Đánh giá công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng (diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm), xây dựng cơ sở dữ liệu rừng.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- Công tác tuần tra, truy quét, xử lý để bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021; đặc biệt là tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh ba tỉnh (*Lâm Đồng, Khánh Hòa và Bình Thuận*); kết quả ký kết và thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh, giữa các đơn vị chủ rừng, các tổ chức và cộng đồng tại địa phương.

- Đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Việc lập phương án và tổ chức lực lượng thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng, vai trò trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp chữa cháy rừng; thống kê số vụ cháy, diện tích, mức độ thiệt hại.

+ Trong thời gian qua được sự quan tâm sâu sát giữa lãnh đạo Hạt kiểm lâm và chính quyền địa phương chỉ đạo công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ QLBRV trên địa bàn xã nên có nhiều chuyển biến tích cực, phối hợp nhịp nhàng và thông tin qua lại thường xuyên giữa các lực lượng nên công tác QLBRV có nhiều chuyển biến.

- Tình hình vi phạm, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp, nhất là tại vùng giáp ranh; tình hình lấn chiếm rừng và đất rừng, mở rộng, coi nới diện tích đất nương rẫy.

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng:

Đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển rừng so với các chỉ tiêu, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh:

- Công tác giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế: Các mô hình giao khoán bảo vệ rừng kết hợp chăn nuôi.

- Đánh giá kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án;

- Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2021. Kết quả việc thực hiện diện tích và chất lượng rừng trồng thay thế giai đoạn 2016 – 2021.

- Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng.

- Kết quả trồng cây phân tán, tổ chức quản lý, bảo vệ cây phân tán tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp.

- Đánh giá kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm.

- Đánh giá công tác ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các mô hình thực nghiệm, nông lâm kết hợp (trồng mới, chăm sóc mô hình thực nghiệm); kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dự án Vườn Quốc gia Núi Chúa, Vườn Quốc gia Phước Bình).

- Đánh giá kết quả thực hiện kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

- Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh.

4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao...

5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016 – 2021 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh theo từng nguồn vốn: vốn chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; vốn các dự án, vốn liên doanh liên kết, vốn sự nghiệp lâm nghiệp...việc xây dựng cơ chế chính sách, nhất là huy động nguồn lực từ xã hội hoá, tăng cường thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế, khuyến khích người dân cùng tham gia trong công tác bảo vệ, phát triển rừng.

6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 bao gồm: Tổ chức bộ máy, cơ chế chính sách, kiểm tra, giám sát, cơ chế huy động nhân dân tham gia, công tác xã hội hoá, hoạt động của Kiểm lâm theo quy định pháp luật về lâm nghiệp tại địa phương.

7. Vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, người đứng đầu các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, các xã liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện và các xã).

- UBND xã là cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa giới hành chính xã, có trách nhiệm xây dựng phương án, kế hoạch BVR, PCCCR. Đồng thời tổ chức, huy động lực lượng thực hiện phương án BVR, PCCCR trên địa bàn xã. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lâm nghiệp của đơn vị chủ rừng, các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Chủ tịch xã chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi, lĩnh vực địa bàn quản lý.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn:

+ Về thuận lợi:

- Luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Huyện uỷ, UBND huyện, của Hạt Kiểm lâm Bắc Ái, của Đảng uỷ xã;

- Được sự tham mưu và chỉ đạo kịp thời của Ban chỉ huy BVR&PCCCR xã. Sự nhiệt tình, vượt khó và phối hợp nhịp nhàng của các bộ phận tham gia công tác

QLBVR như: Kiểm lâm địa bàn, Công an xã, Xã đội, đơn vị chủ rừng và cộng đồng nhận khoán BVR.

+ Một số khó khăn:

- Đời sống kinh tế của nhân dân trong toàn xã còn thấp, vào mùa khô lượng lao động nhàn rỗi trong nhân dân còn nhiều. Mặt khác nữa là số diện tích rẫy nằm đan xen trong rừng tự nhiên ở khắp các Tiểu khu, do đó lượng người ra vào rừng ở khắp các ngã đường, mọi lúc mọi nơi và rất nhiều nên rất khó kiểm soát.

- Không có phương tiện tuần tra, kiểm tra, truy quét chống phá rừng. (chủ yếu sử dụng phương tiện của cá nhân). Lực lượng huy động chống phá rừng của xã chủ yếu là cán bộ bán chuyên trách và đối tượng không hưởng lương(DQTV) nên không thể huy động thường xuyên liên tục được.

- Xã Phước Hòa có đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 11.019,14 ha với 95% dân số là đồng bào dân tộc Raclay. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, địa hình đồi núi chia cắt bởi sông suối. Bên cạnh đó xã Phước Hòa có nhiều dự án đầu tư nên công tác BVR có nhiều khó khăn.

2. Kết quả đạt được:

- Xác định công tác BVR là nhiệm vụ chính trị, được các ngành, các cấp quan tâm. Cấp ủy và chính quyền địa phương đã chỉ đạo cho KLDB phối hợp với các lực lượng CA, QS xã, các tổ nhận khoán BVR cùng với Đơn vị chủ rừng, chủ động thực hiện phương án PCCCR & truy quét CPR đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngay từ đầu mùa khô cấp ủy, chính quyền địa phương đã chỉ đạo cho các ban ngành xã phối hợp trong công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật sâu rộng trong quần chúng nhân dân về BVR và PCCCR trên địa bàn với nhiều hình thức như họp dân, phát trên loa truyền thanh xã...nhằm xã hội hóa công tác BVR và PCCCR trên địa bàn.

Để làm tốt công tác quản lý BVR qua từng năm, KLDB xã đã xác định được vùng trọng điểm thường xảy ra cháy rừng, vùng trọng điểm về khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn. Từ đó tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các lực lượng cùng tham gia, phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý BVR tận gốc, thường xuyên kiểm tra tại các vùng trọng điểm về phá rừng, từ đó có phương án ngăn chặn hiệu quả đối với các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, phát hiện sớm các vụ việc, chuyển hồ sơ lên cơ quan chức năng xử lý kịp thời.

3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc: Đánh giá từng nội dung tại mục III đề cương này).

- Lực lượng PCCCR ở các thôn được xây dựng lên nhưng không thể hoạt động được thường xuyên;

- Về công tác tuyên truyền như: họp dân, tuyên truyền trên loa truyền thanh của thôn có thực hiện nhưng hiệu quả đạt chưa cao.

- Tình hình phá rừng trái pháp luật vẫn còn xảy ra trên địa bàn.
- Tình trạng dùng xe mô tô vận chuyển lâm sản trái phép đi qua địa bàn xã tuy đã giảm nhưng chưa ngăn chặn được triệt để.

4. Nguyên nhân hạn chế:

4.1) Nguyên nhân khách quan:

- Số lượng rẫy đan xen với rừng tự nhiên quá nhiều nên khó kiểm soát được mục đích của người ra vào rừng;
- Diện tích rừng rộng, lực lượng QLBR của đơn vị chủ rừng mỏng nên không tổ chức tuần tra, kiểm tra 24/24 giờ được.
- Kinh phí cấp cho lực lượng nhận khoán BR còn chậm nên hoạt động chưa được thường xuyên, liên tục.

4.2) Nguyên nhân chủ quan:

- + Lực lượng tuần tra, kiểm tra của địa phương chủ yếu là Dân quân tự vệ, Bảo vệ rừng của Cộng đồng không thuộc đối tượng hưởng lương nên khó điều động liên tục, do đó công tác tuần tra, kiểm tra rừng khó thực hiện được thường xuyên liên tục.

5. Một số bài học kinh nghiệm:

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

5.1) Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

+ Công tác tuyên truyền:

- Xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác QLBR Vì vậy cần phải làm cho Cán bộ, Đảng viên, công chức xã và quần chúng nhân dân nâng cao nhận thức về trách nhiệm QLBR. Phát huy quyền làm chủ và giám sát của nhân dân trong công tác QLBR. Nhằm đấu tranh ngăn chặn kịp thời các tình trạng xâm hại đến tài nguyên rừng.

Vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng, thực hiện nếp sống văn minh ở khu dân cư. Xây dựng và thực hiện tốt các Hương ước của cộng đồng dân cư.

- Tuyên truyền qua loa phát thanh của thôn;
- Hợp lòng ghép trong nhân dân, vận động các hộ có rẫy trong rừng, ven rừng ký cam kết không vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Công tác PCCCR:

- Củng cố Ban chỉ huy BR&PCCCR và lực lượng PCCCR của các thôn;
- Tổ chức trực chỉ huy, trực cảnh báo cháy rừng;
- Kiểm tra việc thực hiện phương án PCCCR, tuần tra các khu vực trọng điểm cháy.

+ Công tác truy quét chống phá rừng:

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạch tuần tra, kiểm tra, truy quét hàng tháng và báo cáo kết quả thực hiện.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác QLBR của đơn vị chủ rừng trên địa bàn.

- Thành lập tổ kiểm tra liên ngành; đẩy mạnh công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng để hạn chế đến mức thấp nhất về tình trạng khai thác rừng, vận chuyển lâm sản, phá rừng trái pháp luật;

5.2) Công tác phát triển rừng:

VI. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị cấp trên cho thêm công chức kiểm lâm phụ trách địa bàn xã Phước Hòa vì diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn là rất lớn.

- UBND huyện Bắc Ái có kế hoạch cấp kinh phí truy quét chống phá rừng và PCCCR phù hợp với tình hình tại địa phương để UBND xã thực hiện công tác QLBR được chủ động, thuận lợi và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Trên đây là báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng, tỉ lệ che phủ rừng của xã Phước Hòa giai đoạn 2016-2021./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Bắc Ái(b/c);
- Đảng ủy xã(b/c);
- Lưu: vp./

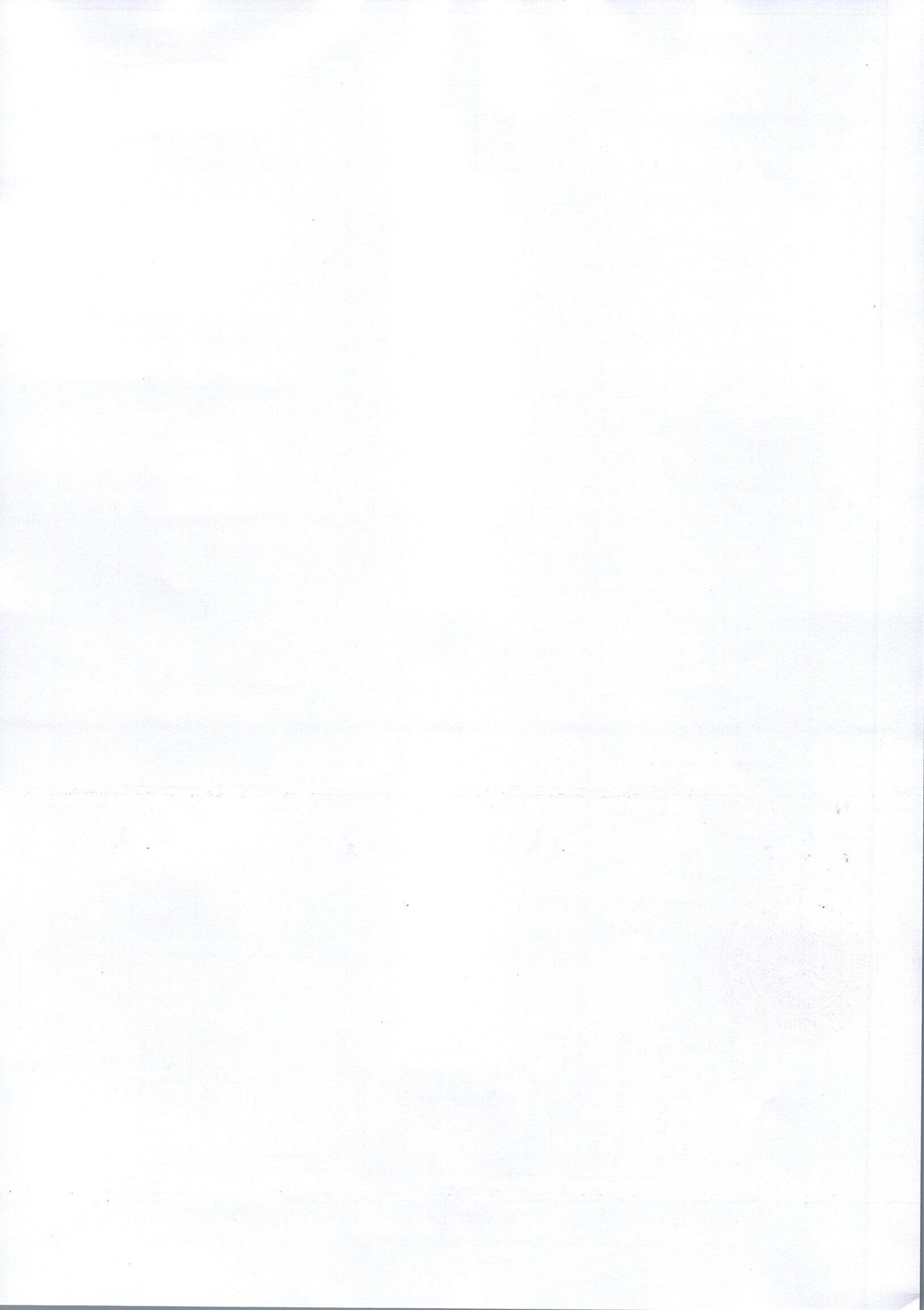


Trần Thị Lịch

Phụ biểu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021 của xã Phước Hòa



TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCC cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCC cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ			99 hộ		40 hộ		139 hộ
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt			2/2 thôn	2/2 thôn	01/2 thôn	2/2 thôn	07/2 thôn
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người			214 L.ng	225 L.ng	250 L.ng	270 L.ng	959 L.ng
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT							
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT							
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							



Phụ biểu 02: Số vụ cháy rừng từ 2016-2021



Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
2016					
2017					
2018	không				
2019	04 vụ	0,98 ha	04	48	Không đáng kể
2020	07 vụ	5,32 ha	07	79	
2021	không				
Tổng					



Phụ biểu 03: Kết quả các vụ vi phạm QLBR từ 2016-2021

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Phá rừng trái phép					02	09	11
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác							
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							
4	VPQĐ về QLDV hoang dã							
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép						05	05
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác							
7	Vi phạm khác			20	05	11	05	41
8	Tổng			20	05	13	19	57



Phụ biểu 04: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1. Tổng số vụ đã xử lý (vụ):			20/20	05/05	13/13	19/19	57
2. Tịch thu:							01
-Ôtô, máy kéo (chiếc)			01 xe máy kéo				
-Xe trâu bò kéo (chiếc)					02 chiếc	05 chiếc	07
-Xe máy (chiếc)							01
-Phương tiện khác (chiếc)			01 cửa xăng				
-Gỗ tròn (m ³)			7,980 m ³ gỗ các loại	3,514 m ³ gỗ các loại	5,550 m ³ gỗ các loại	2,753 m ³ gỗ các loại	19,797 m ³
-Gỗ xẻ (m ³)							
-Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách nhà nước (1.000 đồng)							





Phụ biểu 06: Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Phân theo năm thực hiện															
		Tổng GD 2016-2021		2016		2017		2018		2019		2020		2021			
		ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW		
I	Nguồn vốn đầu tư																
1																
2																
II	Nguồn vốn sự nghiệp																
1																
2																
III	Nguồn khác																
1																
2																





